

HỘI NHẬP VĂN HÓA CÔNG GIÁO VỚI VĂN HÓA BẢN ĐỊA TRONG VÙNG CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ Ở KON TUM

TS. LÊ ĐỨC HẠNH*

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu sự giao thoa giữa văn hóa Công giáo và văn hóa bản địa các tộc người ở Kon Tum từ góc độ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Những sản phẩm văn hóa nổi bật đã minh chứng cho quá trình thích nghi, tiếp biến và hội nhập của văn hóa Công giáo từ những buổi đầu du nhập vào Việt Nam.

Từ khóa: văn hóa Công giáo, Kon Tum.

ABSTRACT

The paper mentions the integration between Christian culture and indigenous culture of ethnic groups in Kon Tum province from intangible and tangible perspectives. Outstanding cultural products have proved the adaptation process, acculturation and integration of Christian culture since its introduction into Vietnam.

Key words: Christian culture, Kon Tum.

Đạo Công giáo du nhập vào Việt Nam từ năm 1533, với sự xuất hiện của giáo sĩ Inêkhô ở làng Ninh Cường và Quân Anh, huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Thủy (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay)¹. Trong gần 5 thế kỷ du nhập và phát triển ở Việt Nam, đạo Công giáo đã có một quá trình hội nhập và tiếp biến với văn hóa Việt Nam trong nhiều lĩnh vực. Về văn hóa phi vật thể, đạo Công giáo đã có sự hội nhập về đức tin, hội nhập về nghi lễ và lối sống Công giáo... Về văn hóa vật thể, đạo Công giáo thể hiện sự hội nhập của mình với văn hóa bản địa qua các cơ sở thờ tự, tranh, tượng thờ (đức Mẹ Maria...) mang đậm dấu ấn bản địa.

Đề tài *Nghiên cứu về vấn đề hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa bản địa* là một đề tài rộng, bởi sự hội nhập văn hóa Công giáo trong các lĩnh vực, như: âm nhạc, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ... ở mỗi cộng đồng tộc người là phong phú và đa dạng. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra có sự tương đồng và khác biệt trong hội nhập văn hóa Công giáo giữa cộng đồng người Việt và cộng đồng tộc người thiểu số. Trong đó lại có sự tương đồng và

khác biệt giữa các cộng đồng tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc, ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Do vậy, vấn đề rất rộng lớn và đa dạng. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập tới sự hội nhập của văn hóa Công giáo với văn hóa bản địa trong cộng đồng tộc người thiểu số ở Kon Tum, biểu hiện cụ thể qua các nội dung hội nhập văn hóa vật thể và phi vật thể.

1. Buổi đầu hội nhập đức tin Công giáo với tín ngưỡng bản địa

Lịch sử ghi nhận sự truyền đạo của Công giáo lên Tây Nguyên, mà Kon Tum là điểm đầu tiên vào năm 1848, với vai trò của các thừa sai Paris (MEP). Thời kỳ đầu truyền giáo lên Kon Tum, các giáo sĩ Công giáo đã gặp phải sự phản kháng quyết liệt của các tộc người thiểu số bản địa ở đây do sự khác biệt về văn hóa, tín ngưỡng. Lúc đầu, do nguyên tắc truyền giáo từ Hội nghị Tôn giáo tại Gò Thị (huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, năm 1841): "cấm tất cả các giáo dân ở vùng Chăm, Nam Kỳ và Nam Vang treo trong nhà ảnh tượng các con vật mà quan niệm của người bản địa coi là linh thiêng... Các nghi lễ cưới xin bản xứ bị coi là dị đoan"², đã dẫn đến những thất bại trong buổi đầu truyền giáo. Ban đầu, khi tiếp xúc với văn hóa bản địa, các giáo sĩ ngoại quốc đã rất ngỡ ngàng trước nền văn hóa hoàn toàn

* *Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*

khác lạ với văn hóa phương Tây. Trái lại, khi tiếp xúc với các thừa sai, đồng bào tộc người thiểu số cũng tỏ thái độ ái ngại và cảnh giác³. Tuy nhiên, sau những thất bại ban đầu, các giáo sĩ ngoại quốc đã tìm ra các cách thức nhằm xóa đi sự khác biệt, tạo ra sự gắn gũi giữa dân làng với các giáo sĩ. Những hình thức chủ yếu được sử dụng là kết nghĩa cha con, anh em; gây thiện cảm với các nhân vật có uy tín trong làng⁴; học và nói tiếng của dân tộc địa phương; tìm cách thích nghi trong sinh hoạt, ăn uống; giúp dân xóa bỏ các hủ tục; làm trung gian hòa giải khi hai làng hiềm khích với nhau. Đó là sự hội nhập và thích nghi bước đầu với văn hóa các tộc người thiểu số vùng truyền giáo Kon Tum ở giai đoạn đầu. Những thích nghi ban đầu với văn hóa bản địa đã giúp các thừa sai ngoại quốc vượt qua khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật, sự thờ ơ của người dân. Dần dà, mối quan hệ giữa cá nhân đã phát triển thành mối quan hệ cộng đồng. Các thừa sai đã xây dựng được một cộng đồng Kitô hữu trong một làng hoàn toàn ngoại giáo, như làng Kon Kơ Xâm, một trong những trung tâm Công giáo đầu tiên ở Kon Tum⁵. Việc học ngôn ngữ địa phương cũng đã giúp các thừa sai ngoại quốc dễ dàng tiếp xúc, tạo sự gắn gũi, thu hẹp dần khoảng cách về chủng tộc. Đến năm 1852, các giáo sĩ đã biên soạn kinh sách Công giáo bằng tiếng Bana và Xơđăng. Đây được coi là bước ngoặt quan trọng trong sự hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa bản địa trong quá trình truyền giáo, phát triển đạo Công giáo vùng tộc người thiểu số ở Kon Tum nói riêng, vùng Tây Nguyên nói chung.

Trong thế giới quan của các tộc người ở Tây Nguyên, vạn vật được sáng tạo từ ý tưởng của thần linh: "Từ cái đơn giản đến cái phức tạp nhất, tất cả đều do thần dạy cho con người. Con người học được của các Yang các kỹ nghệ và công cụ của mình"⁶. Trong đời sống hằng ngày, người dân Tây Nguyên không bao giờ dám xúc phạm thần linh, không có ý niệm về sự thay đổi⁷. "Lý lẽ cuộc sống" của người dân Tây Nguyên mang nặng tư duy cứng nhắc trong đời sống tâm linh, họ quan niệm tổ tiên của mình đến các con cháu sinh ra là để phụng sự các thần linh. Ý nghĩ từ bỏ tín ngưỡng ấy, không tồn tại trong cộng đồng tộc người thiểu số nơi đây. Do vậy, để xóa bỏ một tập tục trong đời sống của người Tây Nguyên là điều vô cùng khó khăn. Và, vấn đề khó khăn hơn nữa là làm sao để họ tiếp nhận văn hóa mới hoàn toàn xa lạ với họ,

làm sao họ từ bỏ các Yang (thần) để tôn thờ một đấng tối cao (Thiên chúa) trong văn hóa phương Tây. Các thừa sai ngoại quốc đã dần dần chứng minh cho dân làng rằng, những việc làm đó là hão huyền, có hại cho sản xuất và đời sống. Lúc đầu, đồng bào tỏ ra sợ hãi, sợ sẽ bị thần linh trừng phạt và hậu quả cuối cùng là họ có thể chết. Các giáo sĩ đã nghĩ ra cách đứng ra nhận sự trừng phạt của thần linh về mình và chứng minh cho dân làng thấy, việc làm đó không có sự "nổi giận, trả thù" nào của thần linh. Đối tượng được họ lựa chọn để thực hiện hành vi này là những người đã tin theo Công giáo. Muốn trở thành một tín hữu, trước tiên họ buộc phải dứt bỏ niềm tin truyền thống bằng cách đập phá các ngẫu tượng, vật linh trước sự chứng kiến của dân làng.

Theo truyền thống các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên, một tập tục nào đó thường bị bỏ hẳn khi dọn về nhà mới hay làng mới. Trong quan niệm của đồng bào, trong trường hợp ấy, nếu thần linh có trừng phạt thì chỉ trừng phạt người đứng đầu, các giáo sĩ không ngại đứng ra nhận lấy trách nhiệm này. Chính việc làm này đã thuyết phục được dân làng. Họ nhận thức ra rằng, những vị thần bản địa và ngẫu tượng tôn thờ cũng chỉ là vật vô tri, vô giác. Đây là bước tiến lớn trong nhận quan tín ngưỡng, tôn giáo của người dân Tây Nguyên. Ở những cộng đồng Công giáo, họ đã tiếp cận với phương thức canh tác khoa học hơn, như: gieo trồng đúng thời vụ, mạnh dạn dùng trâu bò vào việc cày kéo, những con vật trước đó được xem là vật thiêng chỉ dùng để cúng thần; biết dùng phân bón để tăng năng suất cây trồng⁸. Mặt khác, các nhà truyền giáo cũng phá vỡ rào cản tâm lý rất quan trọng để gieo hạt giống "phúc âm" vào đời sống đồng bào các tộc người thiểu số ở Kon Tum: "Thật vậy, chỉ vì sợ mà những người dân tộc tuân giữ các tập tục cổ truyền thôi. Họ sợ gánh chịu cơn thịnh nộ của thần linh nếu bỏ qua các tập tục đó. Cất bỏ nỗi sợ hãi khỏi họ thì cũng gần như là mở tai, mở lòng họ đón nhận lời giảng dạy của nhà truyền giáo"⁹. Cứ như vậy, bằng những việc làm cụ thể trong đời sống hằng ngày, cũng như những hành động cụ thể trong đời sống tâm linh, các giáo sĩ Công giáo đã dần đưa văn hóa Công giáo đan xen vào trong văn hóa bản địa các tộc người ở Tây Nguyên. Trải qua quá trình phát triển, văn hóa Công giáo ngày càng có những hội nhập mạnh mẽ với văn hóa bản địa.

2. Hội nhập văn hóa Công giáo và văn hóa bản địa

Cho đến nay, Công giáo ở Kon Tum đã có lịch sử hơn 160 năm. Quá trình hình thành và phát triển ở Tây Nguyên nói chung, Kon Tum nói riêng, đạo Công giáo đã để lại nhiều dấu ấn minh chứng cho sự thích nghi, hội nhập và tiếp biến với văn hóa các tộc người ở Tây Nguyên, được thể hiện trên một số lĩnh vực, như: kiến trúc; ngôn ngữ; lối sống.

2.1. Hội nhập văn hóa vật thể

Kiến trúc của Công giáo ở Việt Nam tập trung chủ yếu là nhà thờ. Kiến trúc nhà thờ Công giáo ở Việt Nam khá đa dạng. Từ thời kỳ đầu truyền giáo cho đến cuối thế kỷ XIX (1874), nhà thờ Công giáo Việt Nam thường nhỏ bé, giống như nhà dân, cửa được mở ra hai bên cho tín đồ đến dự lễ có thể ngồi ở bên ngoài "lễ vọng" vào khi mà trong lòng nhà thờ chật ken người. Về vật liệu, đại đa số các nhà thờ đều làm bằng gỗ hoặc tranh tre, nứa lá. Sau Hòa ước Nhâm Tuất (1862), đặc biệt là sau Hòa ước Giáp Tuất (1874), Công giáo ở Việt Nam mới có điều kiện xây dựng nhà thờ kiên cố và đa dạng về hình thức. Tuy nhiên, có thể quy về hai phong cách kiến trúc, đó là kiến trúc theo phong cách châu Âu (dân gian quen gọi là nhà thờ Tây) và kiến trúc theo phong cách dân tộc Việt Nam (dân gian quen gọi là nhà thờ Nam). Nhà thờ kiến trúc theo phong cách châu Âu thường là lối kiến trúc gôgích. Lối kiến trúc gôgích với hình tiêm, vòm mái đòi hỏi một kỹ thuật xây dựng mới khác với lối kiến trúc truyền thống của người Việt.

Cùng với lối kiến trúc theo phong cách nhà thờ "Tây" là lối kiến trúc theo phong cách dân tộc Việt Nam mà dân gian quen gọi là nhà thờ Nam. Có thể nói, thời kỳ từ khi bắt đầu công cuộc truyền giáo cho đến nửa cuối thế kỷ XIX, hầu hết các nhà thờ Công giáo ở Việt Nam đều được kiến trúc theo phong cách Việt Nam. Lối kiến trúc này vẫn được tiếp tục ở giai đoạn sau và có thể nói cho đến tận ngày nay. Nhà thờ Nam là loại nhà thờ bên ngoài mang dáng dấp nhà thờ Tây với đặc trưng tháp chuông nhọn, cao vút, mặt tiền trang trí như nhà thờ Tây; và một loại khác với nét đặc trưng là không có tháp chuông cao vút gắn với mặt tiền nhà thờ, tháp chuông có thể được làm rời, được gọi là nhà thờ thuần Nam¹⁰. Dù là nhà thờ vô Tây, ruột Nam hay thuần Nam, kiến trúc sườn nhà là các bộ vì thường là gỗ lim, kết cấu theo kiểu chông rường giá chiêng, cũng có thể là

bảy kê truyền, 6 hàng cột. Song, thông thường thì "trần" hai hàng cột con.

Nhà thờ Nam vẫn bảo đảm cấu trúc của một nhà thờ Công giáo. Nhà thờ cấu trúc theo chiều dọc, hình chữ nhật, lối vào đối diện với cung Thánh. Bên dưới vẫn tạo thành gian chái kiệu. Qua cửa ra vào là gian tiền sảnh, bên trên có thể là gác đàn, tiếp đó là lòng nhà thờ, sau đó là cung Thánh, phía sau cung Thánh là gian mặc áo lễ.

Có thể nói, nhà thờ Chính tòa Kon Tum là công trình tiêu biểu cho kiểu kiến trúc nhà thờ Công giáo khi hội nhập với văn hóa bản địa.

Nhà thờ Chính tòa (còn gọi là nhà thờ gỗ) của Giáo phận Kon Tum, tọa lạc tại số 13, đường Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Nhà thờ Chính tòa Kon Tum, trung tâm Công giáo của toàn Giáo phận, nơi đặt ngai tòa Giám mục - dấu chỉ và biểu hiện của giáo quyền, được khởi công xây dựng bởi linh mục Joseph Décrouille (tên Việt là Đệ) vào ngày 7/4/1913 và được hoàn thành vào ngày 6/1/1918. Đến năm 1932, khi Miền truyền giáo Kon Tum được nâng lên thành Giáo phận Tông tòa, tách khỏi Giáo phận Quy Nhơn, nhà thờ trở thành nhà thờ Chính tòa của Giáo phận Kon Tum kể từ đó. Nhà thờ được làm bằng gỗ quý, như cà chít, sao..., mái lợp ngói vẩy, tường trét đất trộn rơm và được xây dựng hoàn toàn bằng phương pháp thủ công do người xưa thực hiện với tất cả sự khéo léo, mỹ thuật, kết hợp giữa lối kiến trúc Tây Nguyên và gôgích của châu Âu.

Các linh mục tại Kon Tum thời điểm đó (linh mục Geurlach, linh mục Kemlin ("kiến trúc sư" bản vẽ) và linh mục chính sở Kon Tum) đều muốn nhà thờ Chính tòa là một công trình được làm hoàn toàn bằng gỗ quý, chắc chắn, bảo đảm sự tôn nghiêm và yếu tố mỹ thuật, phải xứng tầm với vị thế một ngôi nhà thờ trung tâm của Miền truyền giáo ngay từ thời đó và là nhà thờ Chính tòa trong tương lai. Nhà thờ Chính tòa dài 47m, rộng 15m, cao 12m; với 2 cánh hai bên, mỗi bên dài 8m x rộng 8m. Sàn nhà thờ cao cách mặt đất 0,8m. Tổng diện tích là 703,8m². Nhà thờ với tháp bằng gỗ cao vút đến 24 mét, mái nhà thờ được thay rui mè lợp ngói, cao tương xứng với tháp chuông, các cửa lớn và cửa sổ được chạm trổ hết sức sắc sảo, rất nhiều cột nhỏ được dựng đặt hợp lý xung quanh những bức tường, tất cả những phần còn lại được làm bằng đất trộn với rơm.

Kiến trúc với mái dốc 2 tầng, lợp ngói vảy; chân cột gỗ lớn, gồm 4 hàng chạy dọc từ tiền đường đến phòng áo: 2 hàng cột giữa to và cao hơn, 2 hàng cột hai bên nhỏ và thấp hơn. Nội thất: cột, hoa văn, vòng cung trên mái kiểu gô-tích. Những vòng cung vươn lên như những đôi tay chấp lại, biểu lộ tâm hồn tín hữu dâng cao cùng với lời kinh tiếng hát và với tâm tình yêu mến dâng lên Thiên chúa. Cung Thánh do linh mục Jannin (Phước) thiết kế: bàn thờ, nhà tạm... bằng gỗ quý, được chạm khắc tinh xảo. Bức phù điêu "Bữa tiệc ly" trước bàn thờ chính, "Kinh Lạy Cha" bằng tiếng La tinh, nhà tạm chạm trổ hoa văn được sơn màu đỏ, bao lơn ngăn cách cung Thánh cũng là bàn quỳ để giáo dân lên rước lễ (về sau được gỡ ra để thoáng và giáo dân được gần cung Thánh hơn), các bậc cấp bước lên cung Thánh,... Cung Thánh được trang trí theo hoa văn của các tộc người ở Tây Nguyên, gắn gũi với đời sống hằng ngày, vẫn gợi cảm giác thiêng liêng, trang trọng. Ngôi tháp cao vút gồm 4 tầng với Thánh giá bằng gỗ quý trên chóp đỉnh nhà thờ.

Sự hội nhập văn hóa Công giáo vào văn hóa bản địa các tộc người thiểu số ở Kon Tum còn thể hiện đậm nét ở các họa tiết hoa văn trên cung Thánh vách gỗ, sơn son thiếp vàng, với quan niệm "đẹp vàng son, ngon mật mỡ". Các vòm trên cung Thánh hoặc hông nhà được đắp trong nhà thờ Tây để đặt tượng Thiên chúa, tượng Đức Maria, tượng các Thánh, ở nhiều nhà thờ Nam được làm bằng gỗ, chạm trổ hoa lá cầu kỳ và được sơn son thiếp vàng nên dân gian quen gọi là các tòa vàng. Trên cung Thánh thường có tòa vàng chính được thiết kế to hơn. Điểm đáng lưu ý là ở các nhà thờ Công giáo vùng Kon Tum, nơi cất giữ Minh Thánh chúa thường được làm theo mô hình nhà rông thu nhỏ và được đặt trang trọng trên cung Thánh.

Hình tượng Thánh Mẫu Maria tay âu yếm bồng Chúa hài đồng là hình ảnh dễ nhận biết ở các nhà thờ Công giáo. Tuy nhiên, khi hiện diện ở vùng đồng bào các tộc người thiểu số, hình tượng Maria cũng đã bản địa hóa, trở thành hình tượng Thánh Mẫu gắn gũi. Thánh Mẫu Maria ở Kon Tum là hình ảnh một người Mẹ với trang phục dân tộc người Bana, lưng đeo gùi, tay bồng Chúa hài đồng¹¹.

Có thể nói, sự xuất hiện của nhà thờ Công giáo là một sáng tạo trong kiến trúc của Công giáo Việt Nam, là tư liệu sống động về sự hội nhập văn hóa.

Nhà thờ Công giáo Việt Nam - một loại hình văn hóa vật chất - vì vậy, đã có một vị trí nhất định trong kho tàng văn hóa dân tộc Việt Nam¹².

2.2. Hội nhập văn hóa phi vật thể

Trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể, đạo Công giáo đã có những hội nhập về ngôn ngữ, thơ ca, hò vè, âm nhạc, lối sống đạo (hôn nhân, tang ma...), thờ cúng tổ tiên... Trong phần này, chúng tôi trình bày một số lĩnh vực hội nhập tiêu biểu của Công giáo trong vùng đồng bào tộc người thiểu số ở Kon Tum.

Về ngôn ngữ: một trong những đóng góp quan trọng của Công giáo ở Việt Nam trên lĩnh vực văn hóa là ngôn ngữ. Để hoạt động truyền giáo có hiệu quả, các thừa sai ngoại quốc đã Latinh hóa tiếng Việt, từ đó tạo ra một loại văn tự mới được gọi là chữ Quốc ngữ mới. Sở dĩ gọi như vậy vì trước đó, cha ông ta đã Việt hóa chữ Hán, tạo ra chữ Nôm cũng được gọi là chữ Quốc ngữ.

Đối với đồng bào tộc người thiểu số vùng Kon Tum, buổi đầu các giáo sĩ ngoại quốc buộc phải học tiếng địa phương để phục vụ cho công cuộc truyền giáo. Việc học ngôn ngữ của đồng bào các tộc người thiểu số vùng Tây Nguyên của các thừa sai giai đoạn đầu gặp nhiều khó khăn. Do không có người hướng dẫn, không có phương tiện nào hỗ trợ, họ phải tự học bằng cách mỗi sáng sớm hay chiều tối đến nhà rông (ngôi nhà công cộng của làng) ghi lại từng từ bằng cách hỏi trực tiếp từ dân làng. Sau đó, họ gộp lại với nhau để so sánh và tìm ra cách phát âm chuẩn nhất. Cứ như vậy, họ đã ghi chép được nhiều từ ngữ thông dụng của người địa phương. Đến năm 1852, các giáo sĩ đã biên soạn kinh sách Công giáo bằng tiếng Bana và Xơđăng. Từ khi nói được tiếng địa phương, các giáo sĩ trở nên gắn gũi, thân thiết giống như người của buôn làng. Ngôn ngữ là một công cụ rất hữu hiệu trong cuộc sống và truyền giáo. Vì vậy, bất cứ giáo sĩ nào đến vùng này, việc ưu tiên hàng đầu là học ngôn ngữ¹³. Cho đến nay, Giáo hội Công giáo vùng Kon Tum không chỉ biên soạn, in ấn nhiều kinh sách bằng tiếng Bana, Xơđăng, mà họ còn cho biên soạn, phát hành nhiều từ điển như Từ điển Việt - Bana..., mà trong đó có nhiều thuật ngữ Công giáo. Đây có thể coi là một trong những yếu tố hội nhập văn hóa bản địa tiêu biểu của văn hóa Công giáo với văn hóa truyền thống các tộc người thiểu số Tây Nguyên trong lĩnh vực ngôn ngữ.

Về âm nhạc: khi nhắc đến Tây Nguyên, không thể không nhắc đến văn hóa cồng chiêng. Cồng chiêng Tây Nguyên là một không gian văn hóa rộng lớn, bao trùm toàn bộ 5 tỉnh vùng đất Tây Nguyên. Chủ nhân của loại hình văn hóa đặc sắc này là các cư dân: Bana, Xêđăng, Mnông, Cồho, Rơmăm, Êđê, Giarai... Cồng chiêng Tây Nguyên là loại nhạc cụ độc đáo, đặc sắc và đa dạng, gắn bó mật thiết với cuộc sống của người Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm linh, tâm hồn con người, để diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, trong lao động và sinh hoạt hàng ngày của họ... Từ thuở sơ khai, cồng chiêng được đánh lên để mừng lúa mới, lễ xuống đồng. Cồng chiêng là biểu hiện của tín ngưỡng, là phương tiện giao tiếp với các lực lượng siêu nhiên... Tất cả các lễ hội trong năm, từ lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh đến lễ bỏ mả, lễ cúng máng nước, lễ mừng cơm mới, lễ đóng cửa kho, lễ đâm trâu... hay trong một buổi nghe khan... đều phải có tiếng cồng chiêng như là thứ để nối kết những con người trong cùng một cộng đồng.

Đạo Công giáo đã hội nhập với văn hóa cồng chiêng đặc sắc của cư dân Tây Nguyên qua nhiều hình thức. Tại các xứ đạo Công giáo ở Tây Nguyên, các linh mục đều thành lập các đội cồng chiêng của giáo xứ như đội cồng chiêng xứ Phương Quý, Kon Rơbang, Kon Rơhai, Kon Xơmluh... ở Kon Tum. Vào các dịp hội xuân, lễ hội cồng chiêng, liên hoan âm nhạc cấp tỉnh,... các đội cồng chiêng của các xứ đạo đều tham gia tích cực trong các liên hoan âm nhạc của cộng đồng. Đáng lưu ý trong hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa bản địa là việc các linh mục đã sử dụng cồng chiêng trong “phụng vụ” của Giáo hội Công giáo, như thánh hoa Đức Mẹ, lễ Thánh quan thầy, lễ Giáng sinh... Rất nhiều các bài thánh ca đã được phổ nhạc dân tộc với các nhạc cụ như cồng, chiêng, tơ rưng,... khi biểu diễn mang đậm âm hưởng nhạc điệu Tây Nguyên.

Về lối sống đạo: “sống đạo” xưa nay vẫn là một trong những vấn đề cơ bản nhất của việc xây dựng Giáo hội, bồi đắp cho cộng đồng dân Chúa theo gương Chúa Giêsu Kitô. Ban đầu, khái niệm này được dùng với những từ như: sự sống ân sủng (Vie de la grâce), đời sống Kitô hữu (Vie Chrétienne), hoặc đời sống thiêng liêng (Vie spirituelle), đời sống chiêm nghiệm (Vie contemplative)¹⁴, chỉ đến khi xuất hiện phong trào nổi tiếng Công giáo tiến hành (action Catholique) người ta mới thấy xuất hiện khái niệm “sống

đạo”¹⁵. Cách hiểu thần học về “sống đạo” ngày nay đã có những điểm khác căn bản, đó là, vượt qua lối sống đạo trong bí tích, trong lễ luật sang một lối sống đạo mới là sống đạo giữa đời¹⁶. Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam được hình thành là sự giao thoa giữa đức tin tôn giáo và văn hoá dân tộc¹⁷. Nếp sống đó được thể hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, gia đình và cộng đoàn người Công giáo¹⁸.

Trong sống đạo Công giáo, hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa Việt Nam tiêu biểu nhất là vấn đề thờ cúng tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên được xem là một trong những nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam, thông qua những sinh hoạt không thể thiếu trong các gia đình như kinh nguyện hằng ngày, dịp lễ tết, giỗ chạp, tháng cầu cho các linh hồn, trong đám cưới, đặc biệt là trong tang ma. Tục thờ cúng tổ tiên đã thực sự ăn sâu trong đời sống xã hội và tâm thức người Công giáo ở Việt Nam. Việc cúng giỗ là biểu hiện mối dây liên kết mật thiết giữa tổ tiên - những người đã khuất - với con cháu - những người còn sống. Hay chính là biểu hiện mối quan hệ giữa hai thế giới của người sống và người đã thác. Mặt khác, thờ cúng tổ tiên chính là việc con cháu thể hiện sự biết ơn của mình đối với công giáo dưỡng của cha mẹ.

Cơ sở thực hiện tôn kính tổ tiên của người Công giáo xuất phát ngay trong giáo lý của họ. Niềm tin tôn giáo của họ được đặt trọn vẹn vào Đấng tối cao là Thiên chúa. Trong “Thập giới” (Mười điều răn của Thiên chúa), sau ba điều răn dạy con người thờ phụng Thiên chúa, điều răn thứ tư buộc giáo dân phải “thảo kính cha mẹ”. Đây là điều rất quan trọng buộc mỗi giáo dân Công giáo phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện.

Khi du nhập vào cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên, đạo Công giáo buổi ban đầu, do những vấn đề lịch sử không chấp nhận thờ cúng tổ tiên đã gây nên những xung đột về đức tin với tín ngưỡng, văn hóa bản địa. Từ sau Công đồng Vatican II (1962- 1965), người Công giáo được công khai thờ cúng tổ tiên. Trong chu kỳ một năm, giáo dân Công giáo thực hiện việc thờ kính tổ tiên chủ yếu vào các dịp tết Nguyên đán, lễ các đấng, đám tang, giỗ chạp, cưới xin... với những hình thức đa dạng và phong phú. Về cơ bản, những nghi thức phụng vụ của Giáo hội vẫn được các linh mục tuân thủ chặt chẽ, nhưng đã có sự giao thoa trong nghi thức thờ cúng tổ tiên của mỗi dân tộc. Ở các

tộc người thiểu số ở Kon Tum, khi người chết là người Công giáo vẫn theo các tập tục địa phương khi chôn cất, như: được chia tài sản chôn theo, không cải táng, giữ giỗ hằng năm (chủ yếu là năm đầu tiên). Hằng năm, đến ngày giỗ, gia đình người Công giáo thường có hai hình thức tưởng niệm chính: xin lễ bàn thờ hoặc xin lễ mộ. Vào ngày giỗ, giáo dân xin lễ, đọc kinh, thăm mộ và tổ chức bữa cơm gia đình mà người ta cũng gọi là ăn cỗ. Vào ngày giỗ của người qua đời, gia đình cử người đại diện lên nhà thờ xin lễ. Việc xin lễ cho người quá cố cũng có thể được thực hiện khi linh mục làm Thánh lễ. Trong Thánh lễ đó, linh mục làm lễ giỗ thông báo tên Thánh của người được xin lễ giỗ để cộng đoàn giáo dân hiệp thông cầu nguyện. Trong ngày giỗ, người Công giáo ở Kon Tum thường tổ chức đọc kinh, cầu nguyện cho linh hồn người qua đời. Kinh bắt buộc phải đọc là Kinh cầu cho các linh hồn.

Ngoài những ngày giỗ, niên lịch Công giáo còn dành riêng ngày 2/11 để cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là ngày lễ các đấng hay còn gọi là lễ cầu hồn. Vì thế, tháng 11 Dương lịch hằng năm được gọi là tháng Cầu hồn. dịp này giáo dân Công giáo ở Kon Tum thường lo tu sửa lại vườn Thánh, tu sửa mộ chí thân nhân, linh mục, tu sĩ. Buổi chiều ngày 2 tháng 11, linh mục chính xứ các xứ đạo thường cử hành một Thánh lễ trong nhà thờ để cầu nguyện cho các linh hồn. Vào ngày mồng 2 tết Nguyên đán, tại nhà thờ xứ linh mục chính xứ thường ban Thánh lễ cầu cho các linh hồn¹⁹.

Ngoài ra, việc tôn kính tổ tiên của giáo dân Công giáo ở Kon Tum còn được thực hiện vào các dịp khác trong năm, như cưới xin, cầu nguyện hằng ngày hay khi gia đình có việc trọng đại...

Như vậy, do những đặc thù Công giáo quy định, cộng đồng giáo dân ở Việt Nam hình thành một lối sống đạo, xét về phương diện văn hóa, nó có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển văn hóa Việt Nam.

Nhận xét - kết luận

Hoạt động truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam nói chung, vùng truyền giáo Tây Nguyên nói riêng đưa đến sự tiếp xúc văn hóa giữa Việt Nam với phương Tây. Sự tiếp xúc ấy làm phong phú thêm văn hóa Việt Nam trên lĩnh vực kiến trúc, nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, văn chương... Công giáo còn góp phần tạo ra chữ Quốc ngữ cho dân tộc Việt Nam.

Ngay từ khi truyền giáo lên vùng Kon Tum, sau đó mở rộng ra vùng Tây Nguyên, đạo Công giáo đã linh hoạt, thích nghi với văn hóa, tín ngưỡng bản địa để dần bám rễ, ăn sâu vào cơ tầng văn hóa bản địa. Từ sự thích nghi, tiếp biến với văn hóa bản địa, văn hóa Công giáo - với đặc trưng văn hóa phương Tây buổi đầu du nhập, đã hòa mình cùng văn hóa truyền thống các dân tộc Tây Nguyên, tạo ra một nền văn hóa Công giáo Việt Nam. Cho đến nay, khi nghiên cứu về văn hóa Công giáo trong vùng tộc người thiểu số ở Tây Nguyên, người ta dễ dàng nhận thấy bên cạnh những nét văn hóa Công giáo kiểu phương Tây, là những đặc trưng văn hóa bản địa đặc sắc, với âm nhạc công chiêng, với các điệu xoan Tây Nguyên trong âm hưởng rộn ràng, với những bài Thánh ca bằng tiếng Bana, Gia Lai, Xêđăng... Khi đến với các nhà thờ Công giáo trong vùng các tộc người thiểu số ở Kon Tum, Gia Lai, Buôn Mê Thuột..., người ta dễ nhận thấy, kiến trúc nhà thờ Công giáo mang dáng dấp ngôi nhà rông, hình ảnh Đức Mẹ Maria mang đậm nét hình ảnh người phụ nữ Tây Nguyên, với chiếc gùi trên lưng, hình ảnh các tộc người Tây Nguyên trong các lễ hội Công giáo, như: lễ Thánh quan thầy, lễ Phục sinh, lễ Lá...

Có thể nói, khi du nhập vào Việt Nam, văn hóa Công giáo đã có những thích nghi, tiếp biến và hội nhập với văn hóa bản địa, góp phần làm phong phú văn hóa Việt Nam*./.

L. Đ. H

Chú thích:

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số I2.2 - 2012.24.

1- Tòa Tổng Giám mục Việt Nam, *Niên giám Công giáo Việt Nam năm 2005*, Nxb. Tôn giáo, HN, 2005, tr. 188.

2- Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 223 - 224.

3- P. Dourisboure (2008), *Dân làng Hồ*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 67.

4- Một phương cách đơn giản nhưng mang lại hiệu quả lớn và bất ngờ trong công cuộc truyền giáo là việc kết nghĩa anh em, cha con giữa các giáo sĩ với các nhân vật có uy tín trong cộng đồng tộc người thiểu số. Với người Bana, việc kết nghĩa giữa hai người với nhau, bao gồm kết nghĩa cha con (Krao bả con), kết nghĩa mẹ con (Krao me con), kết nghĩa anh em (Krao po păn)... kết nghĩa giữa hai cộng đồng hoặc hai cá nhân thường ghi nhận một sự kiện vui buồn nào đó, nhằm tăng cường đoàn kết và làm cho mỗi bên mạnh hơn, tốt hơn trong cuộc sống. Người cùng kết bạn ở khác làng, sau khi kết

bạn, mới được phép bước qua cổng làng Bana, vì theo tập quán, hai người kết bạn được coi như anh em. Tiêu biểu cho việc kết nghĩa anh em trong quá trình truyền giáo lên Kon Tum là việc kết nghĩa anh em giữa Bok Khiêm và thầy Sáu Do. Xem thêm : Bùi Minh Đạo (2006), *Dân tộc Bana ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 104; Đặng Nghiêm Vạn chủ biên (1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 138.

5- P. Dourisboure (2008), *Sđđ*, tr. 28 - 94.

6- Dam Bo (Jacque Dournes - 2003), *Miền đất huyền ảo*, người dịch: Nguyễn Ngọc, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 133.

7- Cho đến ngày nay, đồ đan lát của người Tây Nguyên vẫn không thay đổi cách cấu tạo: chiếu bao giờ cũng đan một sợi lên, một sợi xuống; gùi hai sợi lên, hai sợi xuống... Từ khi họ biết sử dụng chiếc rìu và chiếc xà gạc, họ đã làm nhà theo một kiểu và cho đến tận ngày nay. Xem thêm : Dam Bo (Jacque Dournes-2003), *Miền đất huyền ảo*, người dịch: Nguyễn Ngọc, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 139.

8- Đặng Luận, *Kon Tum - nơi tiếp xúc văn hóa phương Tây đầu tiên ở Tây Nguyên*, Tư liệu.

9- Nguyễn Hồng Dương (2006), "Hoạt động truyền đạo Công giáo trong vùng tộc người thiểu số ở Giáo phận Kon Tum. Một số biểu hiện đặc thù", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 5 (41), tr. 50.

10- Nguyễn Hồng Dương, *Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN, 2013, tr. 222.

11- Hình tượng Thánh Mẫu Maria trong hội nhập với văn hóa bản địa còn thấy ở nhiều nơi như tượng Đức Mẹ Maria mặc áo dài truyền thống của người Việt ở Kim Sơn (Ninh Bình), tượng Đức Mẹ Maria mặc trang phục người Chăm ở Bình Thuận...

12- Xem thêm Nguyễn Hồng Dương, *Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, HN, 2013, tr. 235.

13- P. Dourisboure (2008), *Dân làng Hồ*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 93- 97.

14- Xem Théo (1992), Nxb. Fayard, Paris, tiếng Pháp, tr. 752. Dẫn theo Đỗ Quang Hưng, "Sống đạo của người Công giáo Việt Nam, Khái niệm và sự phát triển", in trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010, tr. 10.

15- O. Bosse, A. Henry, *Dictionnaire de la foi Chrétienne*, Paris 1995. Dẫn theo Đỗ Quang Hưng "Sống đạo của người Công giáo Việt Nam, Khái niệm và sự phát triển", in trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010, tr. 10.

16- X.Y. Congar, trong *Encyclopédie de la Foi, Les Leséditions du Cerf*, Paris 1967, tome II. Dẫn theo Đỗ Quang Hưng (2009), "Sống đạo của người Công giáo Việt Nam, Khái niệm

và sự phát triển", in trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội 2010, tr. 10.

17- Lê Đức Hạnh, *Hôn nhân và nếp sống đạo trong gia đình người Việt Công giáo*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, HN, 2012, tr. 15.

18- Phạm Huy Thông (2009), "Nếp sống người Công giáo, Sự giao thoa giữa đức tin và văn hóa dân tộc", *Hội thảo, Nếp sống đạo người Công giáo Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội, tr. 31.

19- Từ rất lâu đời, ngày mồng 2 tết Nguyên đán là ngày Giáo hội Công giáo Việt Nam chọn là ngày kính nhớ ông bà tổ tiên với một thánh lễ. Tùy theo từng giáo xứ, họ đạo mà tổ chức thánh lễ cho ngày kính nhớ ông bà tổ tiên.

Tài liệu tham khảo:

1- Dam Bo (Jacque Dournes - 2003), *Miền đất huyền ảo*, người dịch: Nguyễn Ngọc, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

2- Bùi Minh Đạo (2006), *Dân tộc Bana ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội

3- P. Dourisboure (2008), *Dân làng Hồ*, Nxb. Đà Nẵng.

4- Nguyễn Hồng Dương (2006), "Hoạt động truyền đạo Công giáo trong vùng tộc người thiểu số ở Giáo phận Kon Tum. Một số biểu hiện đặc thù", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 5 (41).

5- Nguyễn Hồng Dương (2013): *Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.

6- Lê Đức Hạnh (2012), *Hôn nhân và nếp sống đạo trong gia đình người Việt Công giáo*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, HN.

7- Lê Đức Hạnh, *Tư liệu điển dã tại các xứ đạo Công giáo tỉnh Bình Thuận*, Ninh Bình, Kon Tum từ 2003 - 2014.

8- Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, HN.

9- Đặng Luận, *Kon Tum - nơi tiếp xúc văn hóa phương Tây đầu tiên ở Tây Nguyên*, Tư liệu.

10- Đoàn Văn Thông (1994), *Những bí ẩn sau cõi chết*, Nxb. Nguồn sống.

11- Tòa Tổng Giám mục Việt Nam (2005), *Niềm giám Công giáo Việt Nam năm 2005*, Nxb. Tôn giáo, HN.

12- Văn phòng Tòa Giám mục Kon Tum, *Tài liệu phục vụ đoàn công tác Viện Nghiên cứu Châu phi và Trung Đông ngày 31/7/2014*.

13- Đặng Nghiêm Vạn chủ biên (1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum*, Nxb. Khoa học Xã hội, HN.

14- Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2010), *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, HN.

(Ngày nhận bài: 19/10/2014; Ngày phân biện đánh giá: 06/11/2014; Ngày duyệt đăng bài: 18/11/2014).